TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HSST
Ngày: 27-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoằng

Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2022/TLST – HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Triệu Minh Th, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1997 tại Gia Lai; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ T, xã I G, huyện C P, tỉnh Gia Lai và chỗ ở: 29/1 N G K, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn V, sinh năm 1978 và bà Triệu Thị Xuân V, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo Triệu Minh Th bị tạm giữ từ ngày 16/02/2022 đến ngày 19/02/2022, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.Pleiku. Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Bi hại:

- Chị Đinh Thị N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 53A N Đ, phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lò Ngọc D, sinh năm 1995; Địa chỉ: 29/31 P N T, phường Đ Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Minh Th và chị Đinh Thị N (sinh năm 1996, trú số 53A đường N Đ, phường IK, TP.P, tỉnh Gia Lai) có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng đã chia tay từ năm 2020; chị N có xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 81H1-195.11. Cuối tháng 11/2021, do không có tiền tiêu xài nên Th nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị N để mang đi cầm cố. Tối ngày 30/11/2021, Th đón xe taxi đến nhà chị N giả vờ hỏi mượn xe mô tô 81H1-195.11 để đi mua đồ; chị N tin tưởng nên đồng ý cho Th mượn xe và giao luôn Giấy đăng ký xe cho Th. Sau khi giả vờ mượn được xe mô tô 81H1-195.11 của chị N, Th điều khiển xe đến cơ sở cầm đồ 81 ở số 29/31 đường Ph N T, phường Đ Đ, TP.P cầm cố cho anh Lò Ngọc D (sinh năm 1995, là chủ cơ sở cầm đồ 81) lấy 7.000.000 đồng sử dụng tiêu xài. Việc Th cầm cố xe mô tô 81H1-195.11 được anh D lập Hợp đồng, thời gian cầm cố từ ngày 30/11/2021 nhưng không thể hiện thời hạn cầm cố; Th có giao cho anh D giấy Chứng minh nhân dân của mình. Đối với chị N, sau khi cho Th mượn xe mô tô 81H1-195.11 thì không thấy Th quay lại trả xe, nên nhiều lần liên lạc với Th nhưng không được. Sau đó, chị N tìm đến nơi Th thuê trọ ở số 29/1 đường N G K, phường P Đ, TP.P, nhưng vẫn không gặp được Th; tại phòng trọ của Th, chị N tìm được 01 bản phô tô giấy Chứng minh nhân dân của Th và 01 bản phô tô Hợp đồng cầm cố xe mô tô 81H1-195.11 của cơ sở cầm đồ 81. Biết Th đã mang xe mô tô của mình đi cầm cố, nên sau đó chị N đến cơ sở cầm đồ 81 thông báo cho anh D biết xe mô tô 81H1-195.11 mà anh D nhận cầm cố là của chị N. Tiếp đó, ngày 02/12/2021 chị N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản phô tô giấy Chứng minh nhân dân mang tên Triệu Minh Th, 01 bản phô tô Hợp đồng cầm cố xe mô tô 81H1-195.11 của cơ sở cầm đồ 81 (đã lấy được tại phòng trọ của Thiện). Ngày 03/12/2021, anh D đến Công an phường Đ Đ, TP.P làm việc và tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 81H1-195.11 cùng với giấy Chứng minh nhân dân số 231237388 mang tên Triệu Minh Th, Giấy đăng ký xe mô tô 81H1-195.11 mang tên Đinh Thị N, mà trước đó đã nhận cầm cố của Th; sau khi tiếp nhận các giấy tờ, tài sản này, Công an phường Đ Đ đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P xử lý. Đối với Th, sau khi giả vờ mượn xe mô tô 81H1-195.11 của chị N và mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, thì bỏ trốn. Đến ngày 16/02/2022, biết chị N đã tố giác hành vi của mình, nên Th đến Công an TP.P đầu thú

Qua định giá, xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ - nâu - đen, biển số 81H1-195.11 (số khung 5839KY517879, số máy JK86E0217800) của chị Đinh Thị N bị Triệu Minh Th chiếm đoạt vào ngày 30/11/2021, có trị giá 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an TP.P đã xử lý trả lại xe mô tô trên cùng với Giấy đăng ký xe cho chị N.

Bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 27 tháng 4 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Triệu Minh Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Triệu Minh Th mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Triệu Minh Th phải bồi thường cho anh Lò Ngọc D số tiền 7.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân số 231237388 mang tên Triệu Minh Th.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với yêu cầu bồi thường.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 13/KL – HĐĐGTS ngày 25/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố P, có đủ cơ sở kết luận:

Triệu Minh Th và chị Đinh Thị N (sinh năm 1996, trú số 53A đường N Đ, phường IK, TP.P, tỉnh Gia Lai) có quan hệ tình cảm với nhau, nhưng đã chia tay. Ngày 30/11/2021, Th đến nhà chị N giả vờ mượn xe mô tô 81H1-195.11 của chị N để sử dụng, nhưng thực chất là chiếm đoạt và mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn. Đến ngày 16/02/2022, biết hành vi của mình đã bị chị N tố giác, nên Th ra đầu thú. Xe mô tô 81H1-195.11 đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho chị N. Qua định giá, xác định tại thời điểm bị T chiếm đoạt, xe mô tô 81H1-195.11 của

chị N trị giá 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

Bị cáo Triệu Minh Th là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Hành vi lợi dụng mối quan hệ quen biết, lợi dụng sự tin tưởng của người khác, giữa vờ mượn xe mô tô trị giá 22.000.000 đồng để sử dụng, nhưng thực chất là chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài do bị cáo Triệu Minh Th thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Triệu Minh Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", hành vi của các bị cáo được xác định là tội phạm ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt.

Bị cáo Triệu Minh Th có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Phần bồi thường dân sự: Bị hại là chị Đinh Thị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lò Ngọc D yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền 7.000.000 đồng mà anh D đã chi ra cho bị cáo khi nhận cầm cố xe mô tô 81H1 – 195.11. Xét yêu cầu này của anh D là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc bị cáo Th phải bồi thường cho anh Lò Ngọc D số tiền 7.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Triệu Minh Th đã thu giữ, xét đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với anh Lò Ngọc D, là người nhận cầm cố xe mô tô 81H1-195.11 do bị cáo Triệu Minh Th chiếm đoạt của chị Đinh Thị N, qua điều tra xác định: Khi anh D nhận cầm cố xe mô tô trên thì xe có Giấy đăng ký kèm theo, nên anh D không biết đó là tài sản do Th chiếm đoạt trái phép của người khác mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý về hình sự đối với anh D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự về bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Minh Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Triệu Minh Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 16/02/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Triệu Minh Th bồi thường cho anh Lò Ngọc D số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Triệu Minh Th 01 Chứng minh nhân dân số 231237388 mang tên Triệu Minh Th.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/5/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai).

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Triệu Minh Th phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đồng tiền án phí dân sự về bồi thường dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm